

**BÁO CÁO**  
**Công tác Cải cách hành năm 2018**

Thực hiện chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2018, Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo tình hình công tác CCHC năm 2018 và một số phương hướng nhiệm vụ năm 2019 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

**1. Về kế hoạch cải cách hành chính**

Ban đã ban hành Kế hoạch số 43/KH-BDT ngày 29/12/2017 về cải cách hành chính năm 2018, Kế hoạch số 44/KH-BDT ngày 29/12/2017 về tuyên truyền, tập huấn CCHC năm 2018 và Kế hoạch số 01/KH-BDT ngày 10/01/2018 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2018, các kế hoạch đã được cơ quan quán triệt đến từng cán bộ, công chức để thực hiện.

**2. Công tác chỉ đạo điều hành**

Lãnh đạo Ban đã tổ chức quán triệt các văn bản hướng dẫn và tổ chức tập huấn về cách thức triển khai, thực hiện các hoạt động cải cách hành chính tại Ban năm 2018 nhằm giúp toàn thể cán bộ, công chức, viên chức nhận thức đầy đủ định hướng, chỉ đạo của cấp trên và có kỹ năng thực hiện các hoạt động hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc.

Lãnh đạo Ban chỉ đạo triển khai, tập trung tốt cho nhóm thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước như: các chương trình, dự án và các chính sách dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các địa phương vùng dân tộc và miền núi. Ban đã ban hành đầy đủ các loại báo cáo về công tác cải cách hành chính quý, 6 tháng theo quy định.

Bên cạnh đó dưới sự đốc thúc chỉ đạo ráo riết của Lãnh đạo Ban, việc ứng dụng, vận hành hệ thống các quy trình theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, các phần mềm dùng chung, các thủ tục hành chính, trang thông tin điện tử tại Ban một cách đầy đủ, bài bản với mục tiêu đạt hiệu quả cao nhất.

### **3. Công tác kiểm tra cải cách thủ tục hành chính**

Công tác kiểm tra, rà soát việc thực hiện CCHC được triển khai đúng mục đích yêu cầu. Hằng tháng, cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra cải cách thủ tục hành chính điều tra, rà soát nhằm tìm kiếm những bất hợp lý, chưa phù hợp để kịp thời thay đổi, điều chỉnh bổ sung.

### **4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

Lãnh đạo Ban chỉ đạo chặt chẽ tới các bộ phận cải cách hành chính phối hợp với các bộ phận, phòng chuyên môn triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về chương trình cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức về CCHC cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan. Thường xuyên nhắc nhở, hướng dẫn tại các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt và cơ quan, nhằm mục đích đưa nội dung cải cách hành chính ngày càng hiệu quả hơn.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

Tiếp tục rà soát, kiểm tra và ban hành các văn bản theo đúng Thông tư số 01/2011/TT-BNV, đề cao trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban chuyên môn trong quá trình xây dựng thể chế. Đặc biệt là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, chỉ đạo và theo dõi công tác cải cách hành chính thật sự đạt chất lượng trong thực thi nhiệm vụ được giao.

Năm 2019 (từ 01/01/2018 đến 25/11/2018), Ban đã ban hành tổng số gần 600 văn bản (trong đó: 293 công văn, 104 báo cáo, 40 tờ trình, 80 quyết định, 38 kế hoạch, 09 giấy mời, 10 biên bản, 09 thông báo và một số văn bản khác).

Công tác kiểm tra, rà soát các văn bản tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính**

#### ***2.1. Thực hiện cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của UBND tỉnh***

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban Dân tộc về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc và Thực hiện Công văn số 2735/UBND-KSVX ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Dân tộc, Ban đã tiến hành rà soát và

trình UBND tỉnh ban hành Quyết định 961/QĐ-UBND ngày 8/5/2018 Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế; mới ban hành lĩnh vực Dân tộc thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông từ UBND cấp xã đến UBND cấp huyện và đến các cơ quan cấp tỉnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban đã tiến hành niêm yết công khai toàn bộ thủ tục tại vị trí bảng niêm yết, đăng tải bộ TTHC trên trang điện tử của Ban và cập nhật trên trang điện tử TTHC của tỉnh. Hiện nay, Ban đang tiếp tục rà soát để điều chỉnh các bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ban.

## ***2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính***

Đây là công việc thường xuyên, qua rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hoá thủ tục hành chính, từ đó có những thay đổi nhằm điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với văn bản mới của Trung ương và khả thi với cơ sở để thực hiện.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

### ***3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Ban Dân tộc***

Số lượng cán bộ CCVC năm 2018 của Ban Dân tộc là 20 người trong đó biên chế được giao là 15 người, sự nghiệp 02 người, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 03 người.

Đầu năm, dựa vào chức năng, nhiệm vụ, đề án vị trí việc làm của Ban, Lãnh đạo Ban đã rà soát vị trí một số cán bộ, công chức, viên chức để đảm nhiệm các nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực công tác.

### ***3.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông***

Thực hiện Quyết định 961/QĐ-UBND ngày 8/5/2018 Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế; mới ban hành lĩnh vực Dân tộc thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông từ UBND cấp xã đến UBND cấp huyện và đến các cơ quan cấp tỉnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế, hiện nay, Ban đang nghiên cứu từng bước cải tiến thủ tục, quy trình và thực hiện rà soát, triển khai quy trình hóa TTHC theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của cơ quan làm công tác dân tộc, quản lý nhà nước về các chính sách dân tộc, cơ quan lồng ghép bộ phận một cửa chính là bộ phận văn thư của cơ quan nên vẫn còn nhiều khó khăn trong việc thực hiện.

## **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

### ***4.1. Về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức***

Việc tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ, công chức được thực hiện đúng quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình công tác của Ban, quan tâm giải quyết đảm bảo các quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

### ***4.2. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng***

Triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2018, Lãnh đạo Ban luôn luôn quan tâm bố trí cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong Ban. Năm 2018, có 01 đồng chí đang theo học lớp Cao cấp lý luận Chính trị, 03 đồng chí hoàn thành lớp an ninh quốc phòng đối tượng 3, 03 đồng chí hoàn thành lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp phòng.

## **5. Cải cách tài chính công**

Việc thực hiện phân cấp quản lý ngân sách và công khai nguồn thu, các khoản chi được thực hiện nghiêm túc. Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch về tài chính tại Ban ngày càng được nâng lên, đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra, thanh tra, góp phần hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính và sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách của Nhà nước.

Ban đã triển áp dụng và tiếp tục áp dụng Quy chế chi tiền tiết kiệm gắn với xếp loại thi đua hàng quý của CB, CC, VC cơ quan. Hiệu ứng của công tác này rất tích cực, tạo ra sự thi đua thật sự trong thực hiện công vụ tại Ban.

## **6. Hiện đại hoá hành chính**

### ***6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tại cơ quan***

Ban đã áp dụng và triển khai thực hiện tốt việc xử lý công việc thông qua hệ thống các phần mềm dùng chung của tỉnh, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan thường xuyên sử dụng địa chỉ thư điện tử công vụ để trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ công việc.

Tiếp tục sử dụng tốt phần mềm quản lý hồ sơ công việc, triển khai vận hành đồng bộ tại bộ phận và các phòng chức năng.

Ban đã tiến hành trang bị một màn hình tivi tại tiền sảnh của Ban nhằm hỗ trợ cho công tác tuyên truyền TTHC và thông tin lịch hàng tuần của Ban.

## ***6.2. Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động tại cơ quan***

Toàn Ban thực hiện áp dụng tốt các hệ thống văn bản theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 theo đúng kế hoạch.

Ngay từ đầu năm, Ban Dân tộc đã xây dựng mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng và đồng thời điều chỉnh, rà soát, họp đánh giá nội bộ và ban hành Quyết định công bố các quy trình ISO thực hiện tại cơ quan. Đã cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về xây dựng và thực hiện các nội dung liên quan đến các tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Năm 2018, công tác CCHC đã tiếp tục được tập trung chỉ đạo phối hợp triển khai thực hiện nghiêm túc, các văn bản chỉ đạo thực hiện CCHC được ban hành kịp thời. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Ban được chú trọng.

Tuy nhiên, công tác CCHC của Ban vẫn còn nhiều hạn chế do cơ sở vật chất còn thiếu và điều kiện làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa được đảm bảo về nhân sự. Do tính chất đặc thù của cơ quan làm công tác dân tộc, với số lượng con người mỏng, thường xuyên công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, đặc thù của việc quản lý nhà nước thực hiện chính sách,...

### **IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2019**

1. Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền CCHC, Kế hoạch kiểm tra CCHC và Kế hoạch kiểm soát, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 của Ban, đồng thời triển khai, phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tiếp tục duy trì và triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP.

3. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước.

4. Tiếp tục rà soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực do Ban quản lý, kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính theo quy định.

5. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo định kỳ hằng năm.

6. Triển khai các Kế hoạch và tổ chức tuyên truyền CCHC đảm bảo theo các kế hoạch đề ra.

## **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề nghị UBND tỉnh quan tâm về cơ sở vật chất và nhân sự, trang thiết bị cho bộ phận tiếp nhận phục vụ công việc CCHC được nâng cao.

Trên đây là tình hình triển khai công tác cải cách hành chính năm 2018 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2019, Ban Dân tộc báo cáo Sở Nội vụ được biết và tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- UBND;
- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, VP.

**TRƯỞNG BAN**

**Hồ Xuân Trắng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**BAN DÂN TỘC**

**Phụ lục 1**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH**

| <b>STT</b> | <b>Kế hoạch</b>   | <b>Thời gian ban hành</b>       | <b>Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch</b> | <b>Số nhiệm vụ/ đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch</b> | <b>Ghi chú</b>               |
|------------|---|---------------------------------|---|--|------------------------------|
| 1.         | Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018   | 43/KH-BDT<br>ngày<br>29/12/2017 | 7/5   | 7/5  |                              |
| 2.         | Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm   | 01/KH-BDT<br>ngày<br>10/01/2018 | 3/3   | 3/3  |                              |
| 3.         | Kế hoạch tuyên truyền, tập huấn CCHC năm 2018   | 44/KH-BDT<br>ngày<br>29/12/2017 | 5/4   | 5/4  | Các phòng phối hợp thực hiện |
| 4.         | Kế hoạch kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC năm 2018   | 45/KH-BDT<br>ngày<br>29/12/2017 | 3/3   | 3/3  |                              |
| 5.         | Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện | 0                               | 0   | 0  | Không có thẩm quyền          |
| 6.         | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức   | 48/KH-BDT<br>ngày<br>29/12/2017 | 5/5   | 5/5  |                              |
| 7.         | Kế hoạch ứng dụng CNTT  | 49/KH-BDT<br>ngày<br>29/12/2017 | 3/5   | 3/5  |                              |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**BAN DÂN TỘC**

**Phụ lục 4**

**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| TT | Tiêu chí   | Tổng số | Chia ra theo cấp hành chính |                |             | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|----|--|---------|-----------------------------|----------------|-------------|---------|---------|
|    |  |         | Cơ quan đơn vị cấp tỉnh     | UBND cấp huyện | UBND cấp xã |         |         |
| 1. | Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị | 2       | 2                           | 0              | 0           | 100     |         |
| 2. | Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa  | 0       | 0                           | 0              | 0           | 100     |         |
| 3. | Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông   | 2       | 2                           | 0              | 0           | 100     |         |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**BAN DÂN TỘC**

**Phụ lục 6**

**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| \<br>Năm<br>Nội dung                             | Năm<br>trước | Năm báo cáo |        |         |        |      |
|--|--------------|-------------|--------|---------|--------|------|
|  |              | Quý I       | Quý II | Quý III | Quý IV | Tổng |
| 1. Số lượng VB QPPL đã ban hành                  | 0            | 0           | 0      | 0       | 0      | 0    |
| 2. Số lượng VB QPPL đã được rà soát              | 0            | 0           | 0      | 0       | 0      | 0    |
| 3. Số lượng TTHC qua rà soát                     | 3            | 0           | 2      | 0       | 0      | 2    |
| Kết quả  | 2            | 0           | 2      | 0       | 0      | 2    |
| + Tự bãi bỏ                                      | 0            | 0           | 0      | 0       | 0      | 0    |
| + Tự sửa đổi                                     | 0            | 0           | 0      | 0       | 0      | 0    |
| + Đề nghị cấp trên sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ | 2            | 0           | 1      | 0       | 0      | 1    |
| + Đề nghị cấp trên thêm mới                      | 0            | 0           | 1      | 0       | 0      | 1    |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
BAN DÂN TỘC**

Phụ lục 7

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

| TT | Lĩnh vực,<br>công việc<br>thực hiện<br>cơ chế một<br>cửa | Số hồ sơ giải quyết nhiều ngày (có ghi giấy hẹn)           |                                     |                               |                     |             |            |                          |                  |
|----|--|--|-------------------------------------|-------------------------------|---------------------|-------------|------------|--------------------------|------------------|
|    |  | Hồ sơ<br>chưa<br>giải<br>quyết<br>(trước<br>kỳ báo<br>cáo) | Hồ sơ nhận<br>(trong kỳ báo<br>cáo) |                               | Hồ sơ đã giải quyết |             |            | Hồ sơ đang giải<br>quyết |                  |
|    |  |  | Tổng<br>số                          | Tiếp<br>nhận<br>ngày<br>thứ 7 | Trước<br>hẹn        | Đúng<br>hẹn | Trễ<br>hẹn | Đang<br>thụ lý           | Đã<br>quá<br>hạn |
| 1  | 0  | 0  | 0                                   | 0                             | 0                   | 0           | 0          | 0                        | 0                |
|    | Tổng số  | 0  | 0                                   | 0                             | 0                   | 0           | 0          | 0                        | 0                |

| TT | Lĩnh vực,<br>công việc<br>thực hiện cơ<br>chế một cửa | Số hồ sơ giải quyết trong ngày<br>(không ghi giấy hẹn) |                                |                   |                  |
|----|---|--|--------------------------------|-------------------|------------------|
|    |   | Tổng số  | Giải quyết trong ngày<br>thứ 7 | Đúng thời<br>gian | Trễ thời<br>gian |
| 1  | 0   | 0  | 0                              | 0                 | 0                |
|    | Tổng số   | 0  | 0                              | 0                 | 0                |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**BAN DÂN TỘC**

**Phụ lục 8**

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ**  
**MỘT CỬA LIÊN THÔNG**

| TT | Lĩnh vực,<br>công việc<br>thực hiện<br>cơ chế một<br>cửa liên<br>thông                  | Số hồ sơ giải quyết nhiều ngày                             |                                     |                               |                     |             |            |                          |                  |
|----|---|--|-------------------------------------|-------------------------------|---------------------|-------------|------------|--------------------------|------------------|
|    |   | Hồ sơ<br>chưa<br>giải<br>quyết<br>(trước<br>kỳ báo<br>cáo) | Hồ sơ nhận<br>(trong kỳ báo<br>cáo) |                               | Hồ sơ đã giải quyết |             |            | Hồ sơ đang giải<br>quyết |                  |
|    |   |  | Tổng<br>số                          | Tiếp<br>nhận<br>ngày<br>thứ 7 | Trước<br>hẹn        | Đúng<br>hẹn | Trễ<br>hẹn | Đang<br>thụ lý           | Đã<br>quá<br>hạn |
| 1  | Công nhận<br>người có uy<br>tín trong<br>đồng bào<br>dân tộc<br>thiểu số                | 0  | 0                                   | 0                             | 0                   | 1           | 0          | 0                        | 0                |
| 2  | Đưa ra khỏi<br>danh sách<br>người có uy<br>tín trong<br>đồng bào<br>dân tộc<br>thiểu số | 0  | 0                                   | 0                             | 0                   | 0           | 0          | 0                        | 0                |
|    | <b>Tổng số</b>  | <b>0</b>   | <b>0</b>                            | <b>0</b>                      | <b>0</b>            | <b>1</b>    | <b>0</b>   | <b>0</b>                 | <b>0</b>         |